

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**

Ngày 27 - 9 - 2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Nguyễn Văn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 24/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/DSST - QĐ ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1956 - có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn: Chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 - vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI D V U ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/8/2016, bà Đinh Thị D cho vợ chồng chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thống nhất thời hạn T toán vào ngày 11/10/2016. Hai bên có làm giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của vợ chồng chị T, anh Đ. Số tiền này là tài sản riêng của bà D vì chồng bà là ông Nguyễn Văn Thành đã mất từ năm 2007. Khi đến hạn thanh toán thì vợ chồng chị T, anh Đ không T toán số tiền trên cho bà D như đã thỏa thuận mặc dù bà D đã gặp trực tiếp và hỏi thúc nhiều lần. Vì vậy, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T, anh Đ phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên tòa hôm nay bà D xin rút yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất và nay chỉ yêu cầu chị T, anh Đ phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

- Người làm chứng chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L là con dâu của bà Đinh Thị D và sống cùng nhà với bà D. Vì làm nghề buôn bán tạp hóa, thu mua nông sản tại nhà và con còn nhỏ, chị L thường xuyên ở nhà nên chứng kiến được việc vợ chồng chị Đồng Thị T, anh Đồng Hữu Đ xuống nhà chị L để vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và chị L có ký tên làm chứng trong giấy vay tiền. Chị L khẳng định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 11/8/2016 là của chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ.

- Bị đơn chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ hiện không có mặt tại địa phương nên không tiến hành lấy lời khai, làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải được với chị T, anh Đ.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Đồng Thị T, anh Đồng Hữu Đ phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng tiền gốc và rút yêu cầu tính lãi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự:*

Việc thiết lập hồ sơ của Thẩm phán, thư ký thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định pháp luật; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 BLTTDS năm 2015.

Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác. Tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS năm 2015.

- *Về nội D vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 2 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D. Buộc chị Đồng Thị T, anh Đồng Hữu Đ phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà Đinh Thị D. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D đối với phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả quá hạn.

Về án phí: Bị đơn bà Đồng Thị T, ông Đồng Hữu Đ đóng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11/8/2016, bà Đinh Thị D cho vợ chồng chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hẹn trả nợ vào ngày 11/10/2016 có viết giấy nhận nợ. Ngày 20/01/2021 bà D nộp đơn khởi kiện chị T và

anh Đ đòi lại tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định; Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản.

Thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày lợi ích bị xâm phạm. Thời hạn T toán do các bên thỏa thuận vào ngày 11/10/2016. Ngày 20/01/2021 bà D làm đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đến ngày 24/02/2021 Tòa án tiến hành thụ lý vụ án. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì:

“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”.

Do chị Đồng Thị Tvà anh Đồng Hữu Đ bỏ đi khỏi địa phương lên đã từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu của mình theo quy định. Hơn nữa trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Đinh Thị D cũng không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu. Vì vậy Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này, và giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa bà Đinh Thị D và vợ chồng chị Đồng Thị T, anh Đồng Hữu Đ. Bị đơn chị Đồng Thị Tvà anh Đồng Hữu Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho các đương sự nhưng vợ chồng chị T, anh Đ (bị đơn) không lên Tòa án làm việc. Quá trình lấy lời khai, nguyên đơn cho biết năm 2017 khi nguyên đơn làm đơn khởi kiện lần 1 thì bị đơn vẫn ở địa phương, đến năm 2018 mới bỏ đi. Quá xác minh tại chính quyền địa phương được biết chị T, anh Đ đã bán nhà và đi khỏi địa phương từ khoảng năm 2018 đến nay. Quá trình xác minh tại nhà mẹ đẻ của chị T được biết vợ chồng chị T đi làm ăn ở Bình Dương, gia đình vẫn liên lạc được với chị T nhưng không cung cấp địa chỉ, không hợp tác làm việc. Như vậy, chị T, anh Đ đã cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho chị T, anh Đ theo thủ tục chung, theo quy định của pháp luật và không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 09/9/2021, chị T, anh Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T, anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D tranh chấp:

Vào ngày 11/8/2016, bà Đinh Thị D cho vợ chồng chị Đồng Thị Tvà anh Đồng Hữu Đ vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thống nhất thời hạn T toán vào ngày 11/10/2016. Tuy nhiên, khi đến hạn T toán thì vợ chồng chị T, anh Đ không T toán số tiền trên cho bà D như đã thỏa thuận. Vì vậy, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T, anh Đ phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng (đối với lãi suất thì bà D xin rút yêu cầu).

[3.1] Việc thỏa thuận vay tiền được lập ngày 11/8/2016 giữa bà Đinh Thị D và vợ chồng chị Đồng Thị T, anh Đồng Hữu Đ được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên. Quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng. Do đó, hợp đồng này là hợp pháp.

[3.2] Tại giấy vay tiền đề ngày 11/8/2016, bà Đinh Thị D cho vợ chồng chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thống nhất thời hạn T toán vào ngày 11/10/2016. Tuy nhiên, khi đến hạn T toán thì vợ chồng chị T, anh Đ không T toán số tiền trên cho bà D như đã thỏa thuận và hiện đã đi khỏi địa phương. Như vậy, chị T, anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ T toán tiền cho bà D. Bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T, anh Đ phải trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà D xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi quá hạn đối với số tiền 100.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án.

[3.4] Quá trình cho vay, bà D không cầm cố tài sản, giấy tờ gì của chị T, anh Đ nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D. Buộc chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ phải trả cho bà D số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[4.] Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng. Buộc chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với tiền tạm ứng án phí: Do bà D là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí được Tòa án chấp nhận nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147; Điều 184; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 463; Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D.

Buộc chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ phải trả cho bà D số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng. Buộc chị Đồng Thị T và anh Đồng Hữu Đ phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiếm